ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:665 /QĐ-UBND	*Lạng Sơn, ngày 04 tháng 5 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo Trạm y tế tuyến xã trên địa bàn huyện Tràng Định

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 29/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo 50 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Lạng Sơn;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 50/TTr-SXD ngày 29/4/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo Trạm y tế tuyến xã trên địa bàn huyện Tràng Định như sau:

1. Tên công trình: Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo Trạm y tế tuyến xã trên địa bàn huyện Tràng Định.

2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn.

3. Chủ đầu tư: UBND huyện Tràng Định.

4. Mục tiêu đầu tư: đầu tư xây dựng các Trạm y tế nhằm đảm bảo cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh cho Nhân dân trong xã Khánh Long, Kháng Chiến, Vĩnh Tiến và Tân Yên, huyện Tràng Định.

5. Quy mô đầu tư xây dựng

a) Trạm y tế xã Khánh Long

- Phá dỡ hạng mục nhà trạm hiện trạng, diện tích xây dựng 73,788m^2, để tạo mặt bằng xây dựng mới nhà Trạm y tế.

- San nền, diện tích 325m^2.

- Xây dựng mới nhà Trạm y tế: cao 01 tầng, diện tích xây dựng = diện tích sàn 241m^2.

b) Trạm y tế xã Kháng Chiến

- Xây dựng mới nhà Trạm y tế: cao 01 tầng, diện tích xây dựng = diện tích sàn 241m^2 (gồm phòng chức năng và phòng vệ sinh).

- Xây dựng mới các hạng mục phụ trợ gồm:

+ Bể chứa nước bằng Inox (02 bể dung tích chứa nước mỗi bể là 3m^3).

+ Nhà để xe diện tích xây dựng 29,7m^2.

+ Nhà chứa rác diện tích xây dựng 14,85m^2.

+ Tường rào dài 130,2m.

c) Trạm y tế xã Vĩnh Tiến

- Phá dỡ hạng mục nhà bếp hiện trạng, diện tích xây dựng 16,29m^2, để tạo mặt bằng cải tạo và xây dựng mới thêm 04 phòng nhà Trạm y tế.

- San nền, diện tích 390m^2.

- Cải tạo, nâng cấp Trạm y tế: cải tạo sửa chữa 07 phòng trạm cũ và xây dựng thêm 04 phòng mới, diện tích xây dựng hiện trạng 177m^2, diện tích xây dựng sau cải tạo, mở rộng 337,48m^2.

d) Trạm y tế xã Tân Yên

- Cải tạo, sửa chữa khối nhà hành chính 06 phòng, diện tích xây dựng 102m^2.

- Cải tạo, sửa chữa khối nhà hành chính 03 phòng, diện tích xây dựng 65m^2.

6. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Liên danh Công ty cổ phần Thời Đại và Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Đại Cường 68.

- Đơn vị đứng đầu liên danh Công ty cổ phần Thời Đại *(địa chỉ: số 239, đường Bà Triệu, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn)*: khảo sát, thiết kế, lập dự toán Trạm y tế các xã: Khánh Long, Vĩnh Tiến.

- Đơn vị thành viên liên danh:

Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Đại Cường 68 (*địa chỉ: ô 42, lô NLKA, khu đô thị Phú Lộc 1, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn):* khảo sát, thiết kế, lập dự toán Trạm y tế xã Kháng Chiến.

7. Địa điểm xây dựng: trong khuôn viên khu đất của các Trạm y tế các xã: Khánh Long, Kháng Chiến, Vĩnh Tiến, Tân Yên, huyện Tràng Định.

8. Diện tích sử dụng đất:

- Trạm y tế xã Khánh Long: 721m^2.

- Trạm y tế xã Kháng Chiến: 1.060m^2.

- Trạm y tế xã Vĩnh Tiến: 1.200 m^2.

- Trạm y tế xã Tân Yên: 700m^2.

9. Nhóm dự án, loại, cấp công trình thuộc dự án: nhóm C, loại công trình dân dụng, cấp III.

10. Số bước thiết kế: 01 bước.

11. Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng

- QCVN 10:2014/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về xây dựng công trình đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng.

- QCXDVN 05:2008/BXD Nhà ở và công trình công cộng - An toàn sinh mạng và sức khỏe.

- QCVN 06:2022/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình.

- QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn Quốc gia về Quy hoạch xây dựng.

- QCVN 02:2022/BXD Quy chuẩn Quốc gia về số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng.

- TCVN 7022:2002 Trạm y tế cơ sở - Yêu cầu thiết kế.

- TCVN 5574:2018 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 5573:2011 Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 5575:2012 Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 2737:2020 Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 9207:2012 Đường dây dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 9206:2012 Đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 7114:2008 Chiếu sáng cho hệ thống làm việc trong nhà - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 9385:2012 Chống sét cho công trình xây dựng - Hướng dẫn thiết kế.

- TCVN 4513:1998 Cấp thoát nước trong nhà - Tiêu chuẩn thiết kế

- TCVN 5575:2012 Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế.

12. Các giải pháp thiết kế chủ yếu

12.1. Trạm y tế xã Khánh Long

12.1.1. Phá dỡ tạo mặt bằng thi công: thực hiện phá dỡ bằng máy kết hợp thủ công công trình hiện trạng nhà trạm cao 01 tầng (diện tích xây dựng 73,788m^2). Vận chuyển đổ thải cách vị trí công trình 01 km.

12.1.2. Tổng mặt bằng xây dựng

Trạm y tế xã Khánh Long được xây dựng tại trên khu đất hiện có của Trạm y tế xã Khánh Long, huyện Tràng Định (diện tích 421m^2) và một phần thu hồi đất của dân (diện tích 300m^2). Sau khi phá dỡ hạng mục công trình hiện có của Trạm y tế, đầu tư xây dựng mới hạng mục nhà Trạm y tế cao 01 tầng, được bố trí phía Đông Bắc của khu đất, mặt đứng chính hướng Tây Nam.

Các chỉ tiêu quy hoạch chính đạt được như sau: mật độ xây dựng 35,86%; hệ số sử dụng đất 0,3586 lần; số tầng cao 01 tầng.

12.1.3. Giải pháp thiết kế hạng mục công trình

a) San nền: tổng diện tích san là 325m^2 trong đó diện tích đào 102m^2 và diện tích đắp 223m^2. Phần đất đào sẽ được sử dụng 1 phần để cân bằng đào đắp còn lại đất thừa sẽ được vận chuyển đi đổ khoảng cách là 01 km. Độ chặt đất đắp san nền K=0,9. Cao độ san nền thiết kế +91,69m, cao độ tự nhiên +90,59m. Độ dốc san nền i=1%.

b) Nhà Trạm y tế *(sử dụng thiết kế mẫu số 04, Trạm y tế xã phần từ cốt ±0.000 đến mái ban hành kèm theo Quyết định số 996/QĐ-UBND ngày 17/6/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn).*

- Thiết kế kiến trúc: mặt bằng nhà hình chữ L; hành lang phía trước rộng 2,3m (tính theo tim tường). Mái dốc lợp tôn dày 0,4mm.

- Thiết kế kết cấu: móng đơn bê tông cốt thép có giằng móng bằng bê tông cốt thép đá (1x2)cm, mác 200; móng và tường xây bằng không nung vữa xi măng cát mác 50; hệ cột, dầm, sàn bằng bê tông cốt thép mác 200. Kết cấu đỡ mái bằng xà gồ thép hộp mạ kẽm tiết diện (40x80x1,4)mm đặt trên tường thu hồi.

- Thiết kế hoàn thiện: nền các phòng và hành lang lát bằng gạch ceramic kích thước (600x600)mm, nền các phòng vệ sinh lát bằng gạch chống trơn kích thước (300x300)mm; tường phòng đẻ, phòng kế hoạch hóa gia đình ốp bằng gạch ceramic kích thước (300x600)mm cao đến trần. Tường phòng sơ cấp cứu, phòng tiêm, phòng tiệt trùng ốp bằng gạch ceramic kích thước (300x600)mm cao 2m. Tường phòng vệ sinh ốp bằng gạch ceramic kích thước (300x600)mm cao 1,8m. Tường trong và ngoài nhà trát bằng vữa xi măng cát mác 50, dày 15mm, trần nhà trát bằng vữa xi măng cát mác 75, dày 15mm; toàn bộ tường, dầm, trần trong và ngoài nhà lăn sơn 01 nước lót 02 nước phủ. Toàn bộ cửa đi, cửa sổ các phòng sử dụng cửa thép sơn tĩnh điện, kính dày 5mm.

- Thiết kế cấp điện, chiếu sáng: cấp điện cho hạng mục công trình được lấy từ cột điện ngoài nhà (điểm đấu nối cấp điện cách hạng mục công trình 80m), dùng dây dẫn CU/PVC/CU tiết diện (2x16)mm^2 cấp điện đến tủ điện tổng. Từ tủ điện tổng của nhà cấp điện đến tủ điện phòng. Dây dẫn cấp điện cho đèn, quạt bằng dây dẫn CU/PVC/CU tiết diện (2x1,5)mm^2; dây dẫn cấp điện cho ổ cắm

bằng dây CU/PVC/CU tiết diện (2x2,5)mm^2; dây dẫn cấp tủ điện phòng dùng dây CU/PVC/CU tiết diện (2x4)mm^2. Toàn bộ dây dẫn điện đi ngầm trong tường. Chiếu sáng trong các phòng sử dụng đèn led công suất mỗi bóng 40w, đèn dài 1,2m. Chiếu sáng hành lang, phòng vệ sinh sử dụng đèn ốp trần tròn d=200, công suất 32w. Thông gió nhân tạo sử dụng quạt trần 1,4m, công suất 75W.

- Thiết kế cấp, thoát nước:

+ Thiết kế cấp nước: nước cấp cho công trình được lấy từ nguồn tự chảy cấp đến téc chứa nước. Từ téc chứa nước, nước được bơm lên téc chứa nước đặt trên sàn mái (01 téc nước, dung tích chứa nước là 2m^3) bằng máy bơm (công suất Q=3m^3/h, H=15m). Nước cấp xuống các thiết bị dùng nước bằng ống nhựa PVC, đường kính d=34mm, d=20mm.

+ Thiết kế thoát nước: nước từ xí, tiểu theo đường ống PVC d=110mm thoát vào bể tự hoại. Từ bể tự hoại thoát ra bể tự ngấm. Nước từ chậu rửa của các phòng nghiệp vụ được thu vào bể xử lý nước thải trước sau khi nước được xử lý thoát ra bể tự ngấm. Nước mưa từ mái thoát xuống sân bằng đường ống PVC d=90mm sau đó chảy theo độ dốc tự nhiên của sân.

- Thiết kế chống sét: kim thu sét dùng thép tròn mạ crôm đường kính d=16mm dài 1m; dây dẫn sét dùng dây thép tròn đường kính d=10mm. Dây nối đất dùng dây thép tròn d= 12mm. Cọc tiếp địa sử dụng thép hình L(63x63x6)mm dài 2,5m. Điện trở nối đất $R_{nd} \leq 10\Omega$.

- Thiết kế phòng cháy, chữa cháy: bố trí 01 tủ chứa bình chữa cháy bằng kim loại đặt tại trục E (đoạn từ trục 1-3); kích thước tủ (500x600x180)mm, tủ chứa 03 bình bột MFZ4 và ABC (4kg); biển nội quy, tiêu lệnh chữa cháy được thiết kế đồng bộ.

12.2. Trạm y tế xã Kháng Chiến

12.2.1. Tổng mặt bằng xây dựng

Trạm y tế xã Kháng Chiến được xây dựng trên khu đất có diện tích 1.060m^2, đầu tư xây dựng mới các hạng mục công trình như sau:

- Xây dựng mới nhà Trạm y tế, cao 01 tầng, được bố trí phía Đông Nam của khu đất, mặt đứng chính hướng Tây Bắc.

- Xây mới nhà để xe được bố trí phía Tây Nam của khu đất, mặt đứng chính hướng Đông Bắc.

- Xây mới nhà chứa rác được bố trí phía Đông Nam của khu đất, mặt đứng chính hướng Tây Bắc.

- Xây mới tường rào hoa sắt được bố trí xung quanh khu đất Trạm y tế.

Các chỉ tiêu quy hoạch chính đạt được như sau: mật độ xây dựng 26,94%; hệ số sử dụng đất 0,2694 lần; số tầng cao 01 tầng.

12.2.2. Giải pháp thiết kế các hạng mục công trình

a) Nhà Trạm y tế *(sử dụng thiết kế mẫu số 04, Trạm y tế xã phần từ cốt ±0.000 đến mái ban hành kèm theo Quyết định số 996/QĐ-UBND ngày 17/6/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn).*

- Thiết kế kiến trúc: mặt bằng nhà hình chữ L; hành lang phía trước rộng 2,3m (tính theo tim tường). Mái dốc lợp tôn dày 0,4mm.

- Thiết kế kết cấu: móng đơn bê tông cốt thép có giằng móng bằng bê tông cốt thép đá (1x2)cm, mác 200; móng và tường xây bằng không nung vữa xi măng cát mác 75; hệ cột, dầm, sàn bằng bê tông cốt thép mác 200. Kết cấu đỡ mái bằng xà gồ thép hộp tiết diện (100x50x2)mm đặt trên tường thu hồi.

- Thiết kế hoàn thiện: nền các phòng và hành lang lát bằng gạch ceramic kích thước (600x600)mm, nền các phòng vệ sinh lát bằng gạch chống trơn kích thước (300x300)mm; tường phòng đẻ, phòng kế hoạch hóa gia đình ốp bằng gạch ceramic kích thước (300x600)mm cao đến trần. Tường phòng sơ cấp cứu, phòng tiêm, phòng tiệt trùng ốp bằng gạch ceramic kích thước (300x600)mm cao 2m. Tường phòng vệ sinh ốp bằng gạch ceramic kích thước (300x600)mm cao 1,8m. Tường trong và ngoài, trần nhà trát bằng vữa xi măng cát mác 75, dày 15mm; toàn bộ tường, dầm, trần trong và ngoài nhà lăn sơn 01 nước lót 02 nước phủ. Toàn bộ cửa đi, cửa sổ các phòng sử dụng cửa nhôm, kính dày 5mm.

- Thiết kế cấp điện, chiếu sáng: cấp điện cho hạng mục công trình được lấy từ cột điện ngoài nhà (điểm đấu nối cấp điện cách hạng mục công trình 100m), dùng dây dẫn CU/XLPE/PVC tiết diện (3x6+1x4)mm^2 cấp điện đến tủ điện tổng. Từ tủ điện tổng của nhà cấp điện đến tủ điện phòng. Dây dẫn cấp điện cho đèn, quạt bằng dây dẫn CU/PVC/CU tiết diện (2x1,5)mm^2; dây dẫn cấp điện cho ổ cắm bằng dây CU/PVC/CU tiết diện (2x2,5)mm^2; dây dẫn cấp tủ điện phòng dùng dây CU/PVC/CU tiết diện (2x4)mm^2. Toàn bộ dây dẫn điện đi ngầm trong tường. Chiếu sáng trong các phòng sử dụng đèn tuýp led đôi công suất 40w, đèn dài 1,2m. Chiếu sáng hành lang sử dụng đèn led vuông ốp trần 1x18w, phòng vệ sinh sử dụng đèn led ốp trần 1x9w. Thông gió nhân tạo sử dụng quạt trần 1x100w.

- Thiết kế cấp, thoát nước:

+ Thiết kế cấp nước: nước cấp cho công trình được lấy từ giếng khoan. Nước được bơm từ giếng khoan lên téc nước và từ téc chứa nước được bơm lên téc chứa nước đặt trên sàn mái (01 téc nước, dung tích chứa nước là 3m^3) bằng máy bơm (công suất Q=3,6m^3/h, H=15m). Nước cấp xuống các thiết bị dùng nước bằng ống nhựa PP-R, đường kính d=32mm, d=20mm.

+ Thiết kế thoát nước: nước từ xí, tiểu theo đường ống PVC d=110mm thoát vào bể tự hoại. Từ bể tự hoại thoát ra bể tự ngấm. Nước sàn phòng vệ sinh thoát ra rãnh thoát nước. Nước từ chậu rửa của các phòng nghiệp vụ được thoát ra bể tự ngấm. Nước mưa từ mái thoát xuống sân bằng đường ống PVC d=90mm sau đó thoát ra rãnh thoát nước.

- Thiết kế phòng cháy, chữa cháy: bố trí 01 tủ chứa bình chữa cháy bằng kim loại đặt tại trục 5 (đoạn từ trục A-C); kích thước tủ (500x600x180)mm, tủ

chứa 03 bình bột MFZ4 và ABC (4kg); biển nội quy, tiêu lệnh chữa cháy được thiết kế đồng bộ.

b) Nhà để xe: mặt bằng hình chữ nhật, kích thước (3,3x9,0)m. Chiều cao tôn nền 100mm so với mặt sân; chiều cao nhà 2,8m từ nền sân lên đến đỉnh mái; mái dốc lợp tôn dày 0,4mm đặt trên hệ xà gồ thép hình (100x40x2)mm gác trên hệ bán kèo bằng thép hình 2L50x5. Móng cột bằng bê tông mác 200, kích thước (0,8x0,8)m sâu 1,2m so với mặt sân; cột đỡ mái bằng thép ống d=114mm, dày 1,4mm được chôn sâu xuống đáy móng 1,1m; nền nhà để xe bằng bê tông xi măng mác 150, dày 100mm.

c) Nhà lưu giữ rác:

- Thiết kế kiến trúc: công trình cao 01 tầng, mặt bằng nhà hình chữ nhật, kích thước theo tim tường (4x3,3)m; chiều cao nhà 4,2m; chiều cao tôn nền 0,15m. Mái dốc lợp tôn dày 0,4mm.

- Thiết kế kết cấu: móng xây bằng gạch không nung vữa xi măng cát mác 75; giằng móng bằng bê tông cốt thép mác 200; tường nhà xây gạch bê tông không nung vữa xi măng cát mác 75. Kết cấu đỡ mái bằng xà gồ thép U tiết diện (60x30x1,1)mm đặt trên tường thu hồi.

- Thiết kế hoàn thiện: nền nhà bằng bê tông xi măng mác 200, dày 10cm. Tường trong và ngoài nhà trát bằng vữa xi măng cát mác 75, dày 15mm; toàn bộ tường trong và ngoài nhà sơn 01 nước lót, 02 nước phủ. Cửa đi sử dụng cửa nhôm.

- Thiết kế cấp điện: dây dẫn cấp điện cho hạng mục công trình sử dụng dây CU/PVC tiết diện (2x4)mm^2 đến bảng điện đặt trong nhà. Dây dẫn cấp điện cho đèn sử dụng dây dẫn CU/PVC tiết diện (2x1,5)mm^2.

- Thiết kế thoát nước mưa: nước mưa từ mái thoát trực tiếp xuống sân bê tông.

d) Tường rào: xây bằng gạch không nung vữa xi măng cát mác 50 (phần xây bằng gạch cao 0,6m; tường xây dày 220mm) kết hợp hoa sắt hộp tiết diện (20x20x1,2)mm. Móng trường rào xây bằng gạch không nung, vữa xi măng cát mác 75; trụ tường rào xây bằng gạch không nung, vữa xi măng cát mác 50, trụ xây cao 2,3m. Khoảng cách giữa các tim trụ tường rào là 2,5m. Trát tường và trụ bằng vữa xi măng mác 75, dày 1,5cm; toàn bộ tường và trụ lăn sơn 01 nước lót, 02 nước phủ.

12.3. Trạm y tế xã Vĩnh Tiến

12.3.1. Phá dỡ tạo mặt bằng thi công: thực hiện phá dỡ bằng máy kết hợp thủ công công trình hiện trạng nhà bếp cao 01 tầng (diện tích xây dựng 16,29m^2). Vận chuyển đổ thải cách vị trí công trình 1km.

12.3.2. Tổng mặt bằng xây dựng

Trạm y tế xã Vĩnh Tiến được xây dựng trên khu đất có diện tích 1.200 m^2, cải tạo, sửa chữa 07 phòng trạm cũ và xây dựng thêm 04 phòng mới, diện tích xây dựng hiện trạng 177m^2, diện tích xây dựng sau cải tạo, mở rộng 337,48m^2.

Các chỉ tiêu quy hoạch chính đạt được như sau: mật độ xây dựng 28,12%; hệ số sử dụng đất 0,2812 lần; số tầng cao 01 tầng.

12.3.3. Giải pháp thiết kế các hạng mục công trình

a) San nền: tổng diện tích san là 390m^2 trong đó diện tích đào 252m^2 và diện tích đắp 138m^2. Phần đất đào sẽ được sử dụng 1 phần để cân bằng đào đắp còn lại đất thừa sẽ được vận chuyển đi đổ khoảng cách là 1km. Độ chặt đất đắp san nền K=0,9. Cao độ san nền thiết kế +99,2m, cao độ tự nhiên 98,1m. Độ dốc san nền i=1%.

b) Cải tạo, sửa chữa 07 phòng trạm cũ và xây dựng nối thêm 04 phòng mới. Hiện trạng mặt bằng nhà hình chữ nhật kích thước theo tim tường (16,805x9,65)m, cao 01 tầng, mái dốc lợp tôn. Tiến hành phá dỡ; cải tạo sửa chữa 07 phòng và xây dựng nối thêm 04 phòng gồm các công việc sau:

- Phá dỡ: tháo dỡ 1 phần mái lợp tôn và xà gồ đoạn trục (5-6):(A-D)

- Phía tiếp giáp trục D:(6-6) về phía Bắc công trình hiện trạng và xây dựng nối thêm 04 phòng:

+ Thiết kế kiến trúc: sau khi xây dựng nối thêm 04 phòng đạt được kích thước theo tim tường (15,74x9,65)m. Chiều cao so với mặt sân: chiều cao tôn nền 0,45m; chiều cao nhà 5,4m.

+ Thiết kế kết cấu: móng đơn bê tông cốt thép có giằng móng bằng bê tông cốt thép đá (1x2)cm, mác 200; móng và tường xây bằng không nung vữa xi măng cát mác 50; hệ cột, dầm, sàn bằng bê tông cốt thép mác 200. Kết cấu đỡ mái bằng xà gồ thép hộp mạ kẽm tiết diện (40x80x1,4)mm đặt trên tường thu hồi.

+ Thiết kế hoàn thiện: nền các phòng và hành lang lát bằng gạch ceramic kích thước (600x600)mm; tường phòng đẻ, phòng kế hoạch hóa gia đình, phòng tiệt trùng ốp bằng gạch ceramic kích thước (300x600)mm cao đến trần. Tường trong và ngoài nhà trát bằng vữa xi măng cát mác 50, dày 15mm, trần nhà trát bằng vữa xi măng cát mác 75, dày 15mm; toàn bộ tường, dầm, trần trong và ngoài nhà lăn sơn 01 nước lót, 02 nước phủ. Toàn bộ cửa đi, cửa sổ các phòng sử dụng cửa thép sơn tĩnh điện, kính dày 5mm.

+ Thiết kế cấp điện: cấp điện cho hạng mục công trình được lấy từ cột điện ngoài nhà (điểm đấu nối cấp điện cách hạng mục công trình 50m), dùng dây dẫn CU/PVC/CU tiết diện (2x25)mm^2 cấp điện đến tủ điện tổng. Từ tủ điện tổng của nhà cấp điện đến tủ điện phòng. Dây dẫn cấp điện cho đèn, quạt bằng dây dẫn CU/PVC/CU tiết diện (2x1,5)mm^2; dây dẫn cấp điện cho ổ cắm bằng dây CU/PVC/CU tiết diện (2x2,5)mm^2; dây dẫn cấp tủ điện phòng dùng dây CU/PVC/CU tiết diện (2x6)mm^2. Toàn bộ dây dẫn điện đi ngầm trong tường. Chiếu sáng trong các phòng sử dụng đèn led công suất mỗi bóng 36w, đèn dài 1,2m. Chiếu sáng hành lang, phòng vệ sinh sử dụng đèn ốp trần tròn d=200, công suất 18w. Thông gió nhân tạo sử dụng quạt trần sải cánh 1,4m, công suất 75W.

+ Thiết kế cấp, thoát nước:

Thiết kế cấp nước: nước cấp cho công trình được lấy từ nguồn nước có sẵn,

được bơm lên téc chứa nước đặt trên sàn mái (01 téc nước, dung tích chứa nước là 2m^3) bằng máy bơm (công suất Q=3m^3/h, H=15m). Nước cấp xuống các thiết bị dùng nước bằng ống nhựa hàn nhiệt PP-R, đường kính d=32mm, d=25mm.

Thiết kế thoát nước: nước từ chậu rửa của các phòng nghiệp vụ được thu vào bể xử lý nước thải trước sau khi nước được xử lý thoát ra bể tự ngấm. Nước mưa từ mái thoát xuống sân bằng đường ống PVC d=90mm sau đó chảy theo độ dốc tự nhiên của sân.

+ Thiết kế chống sét: kim thu sét dùng thép tròn đường kính d=16mm dài 1,5m; dây dẫn sét dùng dây thép tròn đường kính d=10mm. Dây nối đất dùng dây thép tròn d=14mm. Cọc tiếp địa sử dụng thép hình L(63x63x6)mm dài 2,5m. Điện trở nối đất $R_{nđ} \leq 10\Omega$.

+ Thiết kế phòng cháy, chữa cháy: bố trí 02 tủ chứa bình chữa cháy bằng kim loại đặt tại trục 4, 8 (đoạn từ trục A-B); kích thước tủ (800x650x180)mm, mỗi tủ chứa 04 bình bột MFZ4 và ABC (4kg); biển nội quy, tiêu lệnh chữa cháy được thiết kế đồng bộ.

- Cải tạo nhà hiện trạng, gồm các công việc sau:

+ Cạo bỏ lớp sơn cũ tường trong và ngoài nhà. Sơn lại tường trong và ngoài nhà sơn 1 nước lót, 2 nước phủ, diện tích 842,46m^2.

+ Phá dỡ gạch lát nền các phòng và hành lang. Lát mới bằng gạch ceramic kích thước (600x600)mm, diện tích 144,65m^2.

+ Phá dỡ gạch lát nền phòng vệ sinh. Lát mới bằng gạch chống trơn kích thước (300x300)mm, diện tích 11,98m^2.

+ Phá dỡ gạch ốp tường các phòng. Ốp mới bằng gạch ceramic kích thước (300x600)mm cao đến trần, diện tích 83,058m^2.

+ Phá dỡ gạch ốp tường phòng vệ sinh. Ốp mới bằng gạch ceramic kích thước (300x600)mm cao 2,4m, diện tích 55,875m^2.

+ Phá dỡ khoảng tường để thông phòng trục 2(A-D) kích thước (1,1x2,4)m, (0,88x2,4)m.

+ Phá dỡ khoảng tường để mở cửa sổ trục C(3-4) kích thước (1,2x1,41)m 01 bộ, sử dụng cửa thép sơn tĩnh điện.

+ Cửa đi trục (B-C):(1-5): phá dỡ khoảng tường để mở rộng cửa đi kích thước cửa thay đổi từ (0,88x2,4)m thành (1,1x2,4)m 05 bộ, sử dụng cửa thép sơn tĩnh điện.

+ Cửa đi trục C(3-4): phá dỡ khoảng tường để mở rộng cửa đi kích thước cửa thay đổi từ (0,88x2,4)m thành (1,5x2,4)m 01 bộ, sử dụng cửa thép sơn tĩnh điện.

+ Tháo dỡ toàn bộ cửa đi 08 bộ, cửa sổ 11 bộ. Lắp đặt mới 02 bộ cửa đi, ký hiệu D4 kích thước (1,5x2,4)m, 04 cửa đi ký hiệu DW kích thước (0,77x2,15)m, 01 cửa đi ký hiệu D2 kích thước (1,2x2,4)m, 01 bộ cửa đi ký hiệu D3 kích thước (3,38x2,4)m; 09 bộ cửa sổ ký hiệu S1 kích thước (1,2x1,41)m, 02 bộ cửa sổ ký hiệu SW kích thước (0,6x0,6)m. Toàn bộ cửa đi, cửa sổ sử dụng

cửa thép sơn tĩnh điện.

+ Tháo dỡ toàn bộ hệ thống thiết bị nước. Lắp đặt thiết bị vệ sinh, đường ống cấp nước và thoát nước, gồm: xí bệt + vòi rửa 04 bộ, chậu rửa 09 bộ, tiểu nam 02 bộ, gương soi 09 cái; ống nhựa PP-R đường kính d=50mm dài 30m, ống nhựa PP-R đường kính d=32mm dài 50m, ống nhựa PP-R đường kính d=25mm dài 70m.

+ Tháo dỡ 1 phần hệ thống mái cũ (mái lợp tôn, xà gồ) đoạn 5-6; A-D. Lợp mái tôn mới trên hệ xà gồ thép hộp (80x40x1,8)mm đặt trên tường xây thu hồi.

12.4. Trạm y tế xã Tân Yên

a) Cải tạo, sửa chữa khối nhà hành chính 06 phòng, tại góc phía Tây của khu đất, diện tích xây dựng 102m^2 gồm các công việc:

- Xây tường thu hồi tại trục 9:(B-D) bằng gạch không nung vữa xi măng mác 50, dày 22cm.

- Lợp bổ sung mái tôn cho phòng khám bệnh tại trục (8-9):(B-D), sử dụng tôn dày 0,4mm đặt trên hệ xà gồ thép hộp tiết diện (40x80)mm, dày 1,4mm và tường xây thu hồi.

- Lắp đặt 01 cửa đi thông phòng bằng thép sơn tĩnh điện tại trục 8:(B-D).

- Cải tạo hệ thống cấp, thoát nước

+ Lắp đặt bổ sung 04 bộ lavabo trong các phòng, ống cấp nước sử dụng ống PPR đường kính d=32mm, d=20mm, nguồn cấp nước cho lavabo lấy từ nhà vệ sinh hiện trạng cạnh công trình.

+ Hệ thống thoát nước: Nước từ lavabo được thoát ra bể xử lý nước thải và bể tự ngấm, sử dung ống nhựa PVC đường kính d=42mm, d=60mm, d=110mm.

Bể xử lý nước thải: bể đặt ngầm, kích thước bể (1,72x2,2x2,2)m; đáy bể bằng bê tông xi măng mác 150, dày 10cm; thành bể xây bằng gạch không nung, vữa xi măng cát mác 50; trát trong bằng vữa xi măng cát mác 75, dày 1,5cm; láng đáy bể bằng vữa xi măng cát mác 75, dày 2cm.

Bể tự ngấm: bể đặt ngầm, kích thước bể (2,22x1,62x2,05)m; trong lòng bể xếp các lớp, từ đáy lên, gồm: lớp gạch xếp dày 30cm, lớp gạch vỡ dày 20cm, lớp gạch vỡ dày 20cm, lớp than xỉ dày dày 20cm, lớp than củi dày 20cm; thành bể xây bằng gạch không nung, vữa xi măng cát mác 75.

- Thay mới cửa sắt xếp kích thước (3,68x2,2)m tại trục B:(6-7).

- Lắp đặt bổ sung hệ thống chống sét cho công trình: kim thu sét dùng thép tròn đường kính d=18mm dài 1,0m; dây dẫn sét trên tường dùng dây thép tròn trơn đường kính d=10mm. Dây nối đất dùng dây thép tròn d=14mm. Cọc tiếp địa sử dụng thép hình L(63x63x6)mm dài 2,5m đặt sâu cách mặt đất 0,8m. Điện trở nối đất Rnđ≤ 10Ω.

- Ốp tường các phòng bằng gạch ceranic kích thước (300x600)mm, cao 2,5m.

- Hệ thống phòng cháy chữa cháy: lắp đặt bổ sung 01 tủ chứa bình chữa cháy bằng kim loại tại tường trục 7:(B-C); kích thước tủ (800x650x180)mm, tủ

chứa 02 bình bột ABC và 02 bình CO2; biển nội quy, tiêu lệnh chữa cháy được lắp đặt đồng bộ.

b) Cải tạo, sửa chữa khối nhà hành chính 03 phòng, tại góc phía Nam của khu đất, diện tích xây dựng 65m2 gồm các công việc:

- Lắp đặt bổ sung hệ thống chống sét cho công trình: kim thu sét dùng thép tròn đường kính d=18mm dài 1,0m; dây dẫn sét trên tường dùng dây thép tròn trơn đường kính d=10mm. Dây nối đất dùng dây thép tròn d=14mm. Cọc tiếp địa sử dụng thép hình L(63x63x6)mm dài 2,5m đặt sâu cách mặt đất 0,8m. Điện trở nối đất Rnđ≤ 10Ω.

- Ốp tường các phòng bằng gạch ceranic kích thước (300x600)mm, cao 2,5m.

- Hệ thống phòng cháy chữa cháy: lắp đặt bổ sung 01 tủ chứa bình chữa cháy bằng kim loại tại tường trục B:(1-2); kích thước tủ (800x650x180)mm, tủ chứa 02 bình bột ABC và 02 bình CO2; biển nội quy, tiêu lệnh chữa cháy được lắp đặt đồng bộ.

13. Dự toán xây dựng công trình: 8.173.863.053 đồng, trong đó:

- Chi phí xây dựng	6.624.604.985	đồng;
- Chi phí QLDA	207.530.807	đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD	848.610.231	đồng;
- Chi phí khác	102.444.086	đồng;
- Chi phí dự phòng	390.672.944	đồng.

14. Thời gian thực hiện dự án: năm 2022-2023.

15. Nguồn vốn đầu tư: vốn ngân sách Trung ương thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

16. Hình thức tổ chức quản lý dự án: chủ đầu tư tự thực hiện quản lý dự án.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Y tế, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Lạng Sơn; Chủ tịch UBND huyện Tràng Định và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách (HĐND tỉnh);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PVP UBND tỉnh, các phòng CM, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KT(CVĐ).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Dương Xuân Huyên